TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐĂK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thanh Huệ và ông Điểu Nhót.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:

Ông Thái Lê Anh Tuấn, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2023/TLST-HN&GĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 và thông báo số 01/2023/TB-TA ngày 10/11/2023 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Đắk S, xã Đắk M, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Đắk S, xã Đắk M, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1992 bà và ông P tổ chức đám cưới và chung sống với nhau. Đến năm 2002, hai vợ chồng ông bà đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk M, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài. Đến khoảng đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình, mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần giảng hòa nhưng không thành. Hiện cả hai đã ly thân được khoảng 07 đến 08 tháng, nhận thấy không thể kéo dài cuộc sống chung và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Văn P.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh P có 03 con chung cháu Phạm Thúy K, sinh ngày 01/06/1992, Phạm Minh N sinh ngày 09/07/1995, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là cháu Phạm Thị

Yến V, sinh ngày 27/01/2008 chị T có nguyện vọng được nuôi con Phạm Thị Yến V đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn P trình bày:**

Anh P đồng ý với toàn bộ lời trình bày của chị Huỳnh Thị Thu T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn thì anh P không đồng ý. Anh cho rằng mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn trong thời gian chung sống và hiện nay cả hai đã ly thân. Nhưng vì muốn duy trì gia đình cho con cái có đầy đủ bố mẹ nên anh P không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chúng tôi 03 con chung Phạm Thúy K, sinh ngày 01/06/1992, Phạm Minh N, sinh ngày 09/07/1995, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P đồng ý giao 01 con chung là Phạm Thị Yến V, sinh ngày 27/01/2008 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Phạm Thị Yến V tới tuổi trưởng thành nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, vì bận nhiều công việc nên bị đơn có đơn xin Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Người tham gia tố tụng:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 28; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 68; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu T, cho bà T và ông P được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Yến V, sinh ngày 27/01/2008 cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Văn P có nơi cư trú: Thôn Đắk S, xã Đắk M, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu T xin ly hôn với anh Phạm Văn P và yêu cầu giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về ly hôn và con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Thu T với anh Phạm Văn P chung sống với nhau từ năm 1992. Đến năm 2002 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk M, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh P chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là mối quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng: Trong thời gian vợ chồng chị chung sống hạnh phúc với nhau được nhiều năm. Đến năm 2022 thì bắt phát sinh mâu thuẫn về lối sống, quan điểm và cách xử sự với nhau trong cuộc sống. HIện cả hai không còn sống chung. Tòa án nhân dân huyện Đăk Song đã tiến hành xác minh tại trưởng thôn Đăk H, xã Đăk M, huyện Đăk S xác định anh P và chị T có mâu thuẫn với nhau, hiện nay anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2022. Xét thấy, lời trình bày của chị T là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ Tòa án thu thập được. Do mục đích hôn nhân của chị T và anh P không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 28; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử chị T được ly hôn với anh P để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

" Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn

1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn

……..”

Tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…”

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh P có 03 con chung Phạm Thúy K, sinh ngày 01/06/1992, Phạm Minh N, sinh ngày 09/07/1995, đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập giải quyết. Đối với con chung là Phạm Thị Yến V, sinh ngày 27/01/2008 chị T có nguyện vọng được nuôi cho đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2023 cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng của chị T và cháu V là có căn cứ. Bởi vì, đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cháu V là người chưa thành niên (15 tuổi 09 tháng 26 ngày), cháu còn đang đi học cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục để cháu phát triển hoàn thiện. Chị T làm nông nghiệp và kinh doanh buôn bán, thu nhập ổn định có khả năng đảm bảo sự phát triển cho cháu V. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 69, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình giao con Phạm Thị Yến V cho chị Huỳnh Thị Thu T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Huỳnh Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 28; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 68; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu T được ly hôn với anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao con Phạm Thị Yến V, sinh ngày 27/01/2008 cho chị Huỳnh Thị Thu T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng

thành (đủ 18 tuổi). Chị Huỳnh Thị Thu T không yêu cầu anh Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn anh P và chị T có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thu T và anh Phạm Văn P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0001364 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm

** Nơi nhận*:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã Đăk Mol;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.